

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST

Ngày 23-5-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phương Đông;

Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc: “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Ông Văn Thanh H, sinh năm 1971

Cư trú tại: Số 135D, đường T, khóm 8, phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trương Văn N, sinh ngày 01/01/1962 (có mặt)

Bà Trịnh Tuyết M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Số 389, đường K, khóm 5, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn ông Văn Thanh H trình bày:

Trước đây vào khoảng năm 2016 đến năm 2019 ông và ông Trương Văn N có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm nhiều lần. Quá trình mua bán đến ngày 18/3/2020 (dương lịch) giữa ông với ông N có kết nợ lại, số nợ do ông N mua thức ăn nuôi tôm chưa thanh toán là 466.298.750 đồng. Ngày 08/01/2021 ông N trả được 100.000.00 đồng. Đến ngày 03/02/2021 (dương lịch) số tiền nợ chưa thanh toán là 366.300.000 đồng, ppng N có viết cam kết trả số tiền này thành hai đợt và trả dứt điểm vào ngày 30/3/2021 (âm lịch). Tuy nhiên, từ khi viết biên nhận ông N chỉ thanh toán cho ông 100.000.000 đồng, còn nợ lại 266.300.000 đồng. Ông yêu cầu ông N thanh toán nhiều lần nhưng không liên lạc được với ông N. Mặc dù, giao dịch mua bán là do ông N thực hiện nhưng bà Trịnh Tuyết M là vợ ông N sống chung nhà. Nên nay ông khởi kiện yêu cầu ông N cùng bà M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 266.300.000 đồng và lãi suất chậm trả, theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 10/4/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử 23/5/2022, bằng số tiền 29.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn N trình bày: Ông thừa nhận có giao dịch mua thức ăn nuôi tôm của ông Văn Thanh H nhiều lần. Đến ngày 03/02/2021 (dương lịch) giữa ông và ông H có đối chiếu công nợ với nhau, theo đó ông còn nợ ông H tiền mua thức ăn nuôi tôm chưa thanh toán là 366.300.000 đồng và ông có viết giấy nhận nợ số tiền 366.300.000 đồng và cam kết trả số tiền này thành hai đợt và trả dứt điểm vào ngày 30/3/2021 (âm lịch) đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, do nuôi tôm thất bại và tình hình dịch bệnh kéo dài nên ông không có khả năng thanh toán hết nợ, mà chỉ thanh toán cho ông H số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 266.300.000 đồng. Nay ông đồng ý thanh toán số nợ trên và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, ông xác định bà Trịnh Tuyết M là vợ ông, hiện bà M và ông đang sống chung nhà và có quan hệ kinh tế chung. Mặc dù, việc ông mua thức ăn nuôi tôm là để nuôi tôm công nghiệp tại Bạc Liêu, việc nuôi tôm này vợ ông không tham gia nhưng có biết. Nay ông làm ăn thua lỗ cho nên việc nợ số tiền trên thì vợ chồng cùng trách nhiệm thanh toán.

Đối với bà Trịnh Tuyết M vắng mặt, quá trình tổng đạt bà M từ chối nhận các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì cho rằng không biết ông Văn Thanh H là ai và không liên quan đến vụ án. Đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa bà M vắng mặt không lý do. Bà M cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Văn Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn Bà Trịnh Tuyết M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bà M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trịnh Tuyết M.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán, giữa hộ kinh doanh cá thể với cá nhân, phía bị đơn không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn, và bị đơn ông Trương Văn N đều xác định có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm, trong quá trình mua bán ông N còn nợ lại 266.300.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng ông N và bà M cùng có trách nhiệm thanh toán 266.300.000 đồng và tiền lãi 29.000.000 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm giữa nguyên đơn với bị đơn là hoàn toàn hợp pháp, bởi các bên đương sự tự nguyện tham gia giao dịch, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Thực tế tại phiên tòa bị đơn ông H cũng thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và còn nợ lại không thanh toán cho nguyên đơn. Lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với biên nhận ngày 03/02/2021 thể hiện ông N nhận nợ số tiền

366.300.000 đồng và cam kết trả số tiền này thành hai đợt và trả dứt điểm vào ngày 30/3/2021 âm lịch, nhưng ông N chỉ thanh toán được 100.000.000 đồng, số nợ còn lại không thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ông H khởi kiện buộc ông N thanh số số nợ còn lại là 266.300.0000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về trách nhiệm thanh toán nợ, hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M cùng ông N cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ. Đối với bà M không có văn bản ý kiến. Tuy nhiên, quá trình tổng đạt bà M từ chối nhận văn bản tố tụng vì cho rằng không liên quan đến vụ án và không biết ông H là ai. Trong khi. Đối với ông N xác định quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm mặc dù do ông tự giao dịch, ông tự nuôi tôm ở Bạc Liêu bà M không tham gia, nhưng ông xác định vợ ông cũng biết việc ông nuôi tôm công nghiệp và thống nhất nợ chung cả hai cùng có trách nhiệm thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H cũng xác định giao dịch mua bán trực tiếp với ông N. Tuy nhiên, việc mua bán thức ăn tôm là để nuôi tôm công nghiệp, mục đích sử dụng làm kinh tế gia đình, khi thu hoạch tôm, tiền được sử dụng chung trong gia đình. Nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình: Vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch một bên thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp: Bên giao dịch là đại diện hợp pháp của bên kia; kinh doanh chung; nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Trịnh Tuyết M cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 11/4/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2022 là 01 năm 01 01 tháng 12 ngày theo lãi suất 10%/năm bằng số tiền 29.736.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 29.000.000 đồng. Xét thấy, khi thực hiện giao dịch mua bán nguyên đơn, bị đơn không có thỏa thuận với nhau về lãi suất khi chậm thanh toán, cho nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự thì lãi phát sinh do chậm trả tiền thực hiện trong giao dịch nói trên được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10% năm. Cho nên yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định, có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí. Tuy nhiên, bị đơn ông N đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông N được miễn án phí, đối với bà M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn N và bà Trịnh Tuyết M liên đới thanh toán cho ông Văn Thanh H số tiền là 295.300.000 đồng, trong đó nợ gốc 266.300.000 đồng, lãi 29.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Văn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Văn N, bà Trịnh Tuyết M không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông N, bà M phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn N được miễn án phí, bà M phải chịu án phí số tiền 7.382.500 đồng (chưa nộp). Ông Văn Thanh H không phải chịu. Ngày 21/01/2022 ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.592.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000829 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ông H được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông H, ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương